

Số: 79/2022/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 11 năm 2022

### NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 10

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025; số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 421/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025; Báo cáo thẩm tra số 448/BC-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025 theo Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025.

### **Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động và phương thức hỗ trợ**

#### **1. Nguyên tắc quản lý hoạt động:**

- a) Hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất hoặc theo thời hạn đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia;
- b) Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;
- c) Tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân.
- d) Ưu tiên sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; các dự án, mô hình thực hiện trên địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- đ) Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo;
- e) Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn.

#### **2. Phương thức hỗ trợ:**

- a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định;
- b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng; hướng dẫn, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, phương án sản xuất theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định;
- c) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ thông qua bên được giao nhiệm vụ, nhận đặt hàng. Cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ quyết định đặt hàng, ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ; hướng dẫn, giám sát, thanh

toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Chương II** **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Mục 1**

#### **HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

##### **Điều 4. Điều kiện hỗ trợ**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

##### **Điều 5. Nội dung hỗ trợ**

1. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 (sau đây gọi là Chương trình nông thôn mới): Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và điểm đ khoản 1 Điều 10 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 (sau đây gọi là Chương trình giảm nghèo bền vững): Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

3. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2022 đến năm 2025 (sau đây gọi là Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi): Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 1 Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

##### **Điều 6. Mức hỗ trợ từ vốn ngân sách Nhà nước**

1. Đối với Chương trình nông thôn mới: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 -

2025 và Nghị quyết số 78/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025.

2. Đối với Chương trình giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, tối đa không quá 03 tỷ đồng/01 dự án, kế hoạch. Mức hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi cho từng đối tượng liên kết theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên cơ sở quy mô sản xuất thực tế và định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng không quá 03 vụ hoặc không quá 03 chu kỳ sản xuất.

3. Đối với Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

### **Điều 7. Mẫu hồ sơ**

1. Đơn đề nghị của đơn vị chủ trì liên kết (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp).

2. Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP) hoặc Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

3. Hồ sơ năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các thành viên liên kết (theo Mẫu B1.3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

4. Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;

5. Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

6. Hợp đồng liên kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đại diện các đối tượng tham gia liên kết (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

7. Hợp đồng thực hiện dự án, kế hoạch liên kết giữa cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí và đơn vị chủ trì liên kết (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

### **Điều 8. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết**

1. Đối với Chương trình nông thôn mới và Chương trình giảm nghèo bền vững:

a) Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án, kế hoạch liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Phòng, ban chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần cấp huyện (sau đây gọi là cơ quan chủ trì dự án cấp huyện) nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch liên kết khảo sát thực tế để xác định sự phù hợp, cần thiết, tính khả thi và dự kiến hiệu quả của dự án, kế hoạch liên kết. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì liên kết tiến hành lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị theo mẫu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 7 Nghị quyết này.

b) Bước 2: Nộp hồ sơ

- Đối với liên kết cấp tỉnh (dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn từ 02 huyện, thành phố, thị xã trở lên hoặc dự án, kế hoạch liên kết do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được bố trí vốn): Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của sở, ban, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần (sau đây gọi là cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) đề nghị thẩm định, phê duyệt; cụ thể như sau:

+ Gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đối với các dự án, kế hoạch liên kết sử dụng nguồn vốn Chương trình nông thôn mới; hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững và Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Đối với các dự án, kế hoạch liên kết sử dụng nguồn vốn đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững.

- Đối với liên kết cấp huyện (dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn 01 huyện, thành phố, thị xã): Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cơ quan chủ trì dự án cấp huyện tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện (gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) đề nghị thẩm định, phê duyệt; cụ thể như sau:

+ Gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế): Đối với các dự án, kế hoạch liên kết sử dụng nguồn vốn Chương trình nông thôn mới; hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững và Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Đối với các dự án, kế hoạch liên kết sử dụng nguồn

vốn đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững.

c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì dự án tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng.

Thành phần Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn cấp tỉnh và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Thành phần Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp huyện bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo cơ quan chủ trì dự án cấp huyện; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn cấp huyện và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng tổ chức thẩm định. Nội dung thẩm định phải làm rõ các điều kiện tại khoản 1, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, cơ quan chủ trì dự án phải có văn bản thông báo trong đó nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì liên kết được biết.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được Tờ trình của cơ quan chủ trì dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các Thủ trưởng sở, ban, ngành được ủy quyền (đối với liên kết cấp tỉnh), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với liên kết cấp huyện) quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách Nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách); nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Trường hợp dự án, kế hoạch không đủ điều kiện phê duyệt theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản trả lời trong đó nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì liên kết được biết.

đ) Bước 5: Trả kết quả

Đến hẹn, đơn vị chủ trì liên kết mang phiếu hẹn đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với liên kết cấp tỉnh) hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cơ quan chủ trì dự án cấp huyện tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện để nhận kết quả (trường hợp đề nghị nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan cung cấp dịch vụ bưu chính).

e) Bước 6: Ký hợp đồng thực hiện dự án, kế hoạch liên kết

Căn cứ quyết định phê duyệt, cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo mẫu hợp đồng thực hiện dự án, kế hoạch liên kết giữa cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí và đơn vị chủ trì liên kết quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị quyết này.

2. Đối với Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

a) Xây dựng kế hoạch và danh mục dự án hỗ trợ phát triển sản xuất: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 02/2022/TT-UBND;

b) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

## Mục 2

### HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

#### Điều 9. Điều kiện hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

#### Điều 10. Nội dung hỗ trợ

1. Đối với Chương trình giảm nghèo bền vững:

a) Về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH;

b) Về hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các Điều 5, 6, 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

2. Đối với Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các điểm c, d, đ, e khoản 3 Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

#### Điều 11. Mức hỗ trợ từ vốn ngân sách Nhà nước

1. Đối với Chương trình giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, tối đa không quá 320 triệu đồng/01 dự án, phương án. Mức hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi cho từng đối tượng liên kết tối đa không quá 11 triệu đồng/hộ nghèo, 08 triệu đồng/hộ cận nghèo,



06 triệu đồng/hộ mới thoát nghèo, hộ có người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).

2. Đối với Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc..

**Điều 12. Mẫu hồ sơ**

1. Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này);

2. Biên bản họp cộng đồng dân cư (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này);

3. Danh sách các hộ dân tham gia dự án, phương án (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này);

4. Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH);

5. Hợp đồng thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng giữa cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí và đại diện cộng đồng dân cư (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 13. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng**

1. Đối với Chương trình giảm nghèo bền vững:

a) Bước 1: Xây dựng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai để xây dựng hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, phương án (bao gồm: Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư; biên bản họp cộng đồng dân cư; danh sách các hộ dân tham gia dự án, phương án; dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng) theo Mẫu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 12 Nghị quyết này.

b) Bước 2: Nộp hồ sơ

Cộng đồng dân cư gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất đến bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và gửi Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cơ quan chủ trì dự án cấp huyện tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện (gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) đề nghị thẩm định, phê duyệt; cụ thể như sau:

- Gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế): Đối với các dự án, phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc

Chương trình giảm nghèo bền vững và các dự án, phương án sử dụng nguồn vốn Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Đối với các dự án, phương án sử dụng nguồn vốn đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững.

c) Bước 3: Thẩm định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì dự án cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo cơ quan chủ trì dự án cấp huyện; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, cơ quan chủ trì dự án cấp huyện phải có văn bản thông báo trong đó nêu rõ lý do cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai và cộng đồng dân cư được biết.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất

Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được văn bản thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; tên và thông tin cộng đồng dân cư; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách Nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

Trường hợp dự án, phương án không đủ điều kiện phê duyệt theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản trả lời trong đó nêu rõ lý do cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai và cộng đồng dân cư được biết.

đ) Bước 5: Trả kết quả

Đến hẹn, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã mang phiếu hẹn đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cơ quan chủ trì dự án cấp huyện tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện để nhận kết quả (trường hợp đề nghị nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan cung cấp dịch vụ bưu chính).

e) Bước 6: Ký hợp đồng thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất

Căn cứ quyết định phê duyệt, cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện cộng đồng dân cư thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất theo Mẫu quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị quyết này.

2. Đối với Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

a) Xây dựng kế hoạch và danh mục dự án hỗ trợ phát triển sản xuất: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 18 Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.;

b) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### Mục 3

#### HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO NHIỆM VỤ

##### **Điều 14. Điều kiện hỗ trợ**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

##### **Điều 15. Nội dung hỗ trợ**

1. Đối với Chương trình nông thôn mới: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

2. Đối với Chương trình giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 10 Nghị quyết này.

3. Đối với Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 2 Điều 10 Nghị quyết này.

##### **Điều 16. Mức hỗ trợ từ vốn ngân sách Nhà nước**

1. Đối với Chương trình nông thôn mới: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Thông tư số 53/2022/TT-BTC và quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025.

2. Đối với Chương trình giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Mức hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi cho từng đối tượng tham gia dự án, kế hoạch, phương án thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này (trong trường hợp đã xem

xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác) hoặc khoản 1 Điều 11 Nghị quyết này (trường hợp đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nhưng không có đề xuất từ cộng đồng dân cư).

3. Đối với Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **Điều 17. Mẫu hồ sơ**

1. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

2. Quyết định giao nhiệm vụ (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này) hoặc Quyết định đặt hàng (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên) hoặc Hợp đồng đặt hàng (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).

#### **Điều 18. Trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đơn vị đặt hàng**

Trong trường hợp đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới, thì cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí triển khai các bước sau đây:

##### **1. Bước 1: Xây dựng, phê duyệt dự án**

Cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì khảo sát, xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên đơn vị đề xuất, loại dự án hoặc mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai theo Mẫu quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết này; trình Thủ trưởng cơ quan được bố trí kinh phí quyết định phê duyệt dự án.

##### **2. Bước 2: Lựa chọn đơn vị được giao nhiệm vụ, đơn vị nhận đặt hàng**

Căn cứ quyết định phê duyệt dự án, cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP hoặc đặt hàng cho các đơn vị sự nghiệp công lập, nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác đủ điều kiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

### 3. Bước 3: Ký hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ

Căn cứ kết quả lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đơn vị đặt hàng, cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định giao nhiệm vụ cho bên được giao nhiệm vụ hoặc quyết định đặt hàng, hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng theo Mẫu quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị quyết này.

## Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 19. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Đối với các nội dung liên quan khác không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác.

### Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ngày 01 tháng 12 năm 2022./.

#### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QLPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Trung Dũng**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN  
SẢN XUẤT THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2022-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 79/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh)

TT	Mẫu hồ sơ	Tên mẫu hồ sơ	Ghi chú
1	Mẫu số 01	Hợp đồng liên kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đại diện các đối tượng tham gia liên kết	
2	Mẫu số 02	Hợp đồng thực hiện dự án, kế hoạch liên kết giữa cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí và đơn vị chủ trì liên kết	
3	Mẫu số 03	Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư	
4	Mẫu số 04	Biên bản họp cộng đồng dân cư	
5	Mẫu số 05	Danh sách các hộ dân tham gia dự án, phương án	
6	Mẫu số 06	Hợp đồng thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng giữa cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí và đại diện cộng đồng dân cư	
7	Mẫu số 07	Quyết định giao nhiệm vụ	

**Mẫu số 01. Hợp đồng liên kết giữa đơn vị chủ trì liên kết  
và đại diện các đối tượng tham gia liên kết**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT.....  
Số:...../HDLK**

*Căn cứ:*

- Bộ Luật dân sự;

- .....

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm .....

Tại .....

*Hai bên gồm:.*

**BÊN A: DOANH NGHIỆP/HỢP TÁC XÃ/LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Mã số thuế: .....

Tài khoản:.....

Do ông/bà:.....

Chức vụ: .....làm đại diện.

**BÊN B: TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN/NÔNG DÂN.....**

Do ông/bà:.....

Chức vụ: .....làm đại diện.

CMTND/CCCD.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Mã số thuế: .....

Tài khoản:.....

*Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:*

**Điều 1. Nội dung hợp đồng**

1. Bên B đồng ý hợp đồng sản xuất và bán (tiêu thụ) ..... cho bên A:

- Thời gian: Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm...

- Quy mô (ví dụ diện tích): ..... ha.

- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết .....

- Sản lượng dự kiến: ..... tấn.

- Địa điểm: .....

2. Bên A bán (trả ngay hoặc ghi nợ) cho bên B giống, vật tư phục vụ sản xuất cụ thể như sau:

Tên sản phẩm	Diện tích sản xuất (ha)	Số lượng (tấn)	(đồng/tấn) Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1.				
2.				
Tổng:				

3. Nếu bên B tự mua (tên giống hoặc vật tư)..... : .....(tên giống hoặc vật tư)mà bên B tự mua phải là loại ..... đạt tiêu chuẩn, chất lượng của giống ....., được sự chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B bán ..... hàng hóa cho bên A:

- Số lượng tạm tính: .....

- Với quy cách, chất lượng, phương thức kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm..... do hai bên đã thỏa thuận được ghi ở Điều 3 dưới đây và với số lượng thực tế khi thu hoạch.

#### **Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận và bốc xếp**

1. Thời gian giao hàng
2. Địa điểm giao, nhận hàng
3. Bốc xếp, vận chuyển, giao nhận

#### **Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng**

1. Giống và vật tư nông nghiệp (*áp dụng cho trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B*):

- Giá các loại vật tư, phân bón, công lao động
- Phương thức thanh toán
- Thời hạn thanh toán

2. Sản phẩm hàng hóa

- Tiêu chuẩn: (các tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa phải đạt được).  
- Giá nông sản dự kiến (giá trên thị trường tại thời điểm thu hoạch hoặc giá sàn hoặc mức bù giá....)

- Phương thức và thời điểm thanh toán

3. Địa điểm giao hàng

- Ghi rõ địa điểm bên B giao sản phẩm nông sản hàng hoá cho bên A

#### **Điều 4. Trách nhiệm bên A**

- Cung cấp hoặc giới thiệu doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn) cho bên B nếu bên B có nhu cầu.

- Đảm bảo giao giống đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, qui cách và thời hạn đã cam kết (đối với trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B giống phục vụ sản xuất)

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách - phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.



- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A (căn cứ theo lịch điều phối của bên A).

- Cung cấp bao bì đựng ..... cho bên B (nếu có yêu cầu) sau khi đạt được thỏa thuận mua bán giữa hai bên.

- .....

### **Điều 5. Trách nhiệm bên B**

- Bên B phải tuân thủ các qui trình canh tác theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông nghiệp địa phương.

- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách về phẩm chất, số lượng (theo thực tế thu hoạch), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

- Cung cấp cho bên A các thông tin về quá trình canh tác, thời gian thu hoạch, địa điểm giao hàng v.v....

- Lập danh sách hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn (có danh sách kèm theo hợp đồng).

- .....

### **Điều 6. Xử lý vi phạm**

#### **1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng**

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

#### **2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng**

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

### **Điều 7. Điều khoản chung**

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành .. bản, mỗi bên giữ .. bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Hợp đồng thực hiện dự án, kế hoạch liên kết giữa cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí và đơn vị chủ trì liên kết

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**

Thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị

Số: ...../.....

*Căn cứ:*

- Bộ Luật dân sự;

- .....

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm .....

Tại .....

Hai bên gồm:

**BÊN A: CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC BỐ TRÍ KINH PHÍ**.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Mã số thuế: .....

Tài khoản:.....

Do ông/bà:.....

Chức vụ: ..... làm đại diện.

**BÊN B: DOANH NGHIỆP/HỢP TÁC XÃ/LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Mã số thuế: .....

Tài khoản:.....

Do ông/bà:.....

Chức vụ: ..... làm đại diện.

*Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như*

*sau:*

**Điều 1. Nội dung hợp đồng**

Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị, với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án, kế hoạch
2. Tên và thông tin đơn vị chủ trì liên kết
3. Thời gian triển khai
4. Địa bàn thực hiện

5. Đối tượng tham gia
6. Các hoạt động của dự án
7. Dự toán kinh phí thực hiện
8. Nguồn kinh phí thực hiện (Ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn của các đối tượng liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách,...)
9. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết
10. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác liên quan (nếu có).

**Điều 2. Trách nhiệm bên A**

**Điều 3. Trách nhiệm bên B**

**Điều 4. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

**Điều 5. Điều khoản chung**

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành .. bản, mỗi bên giữ .. bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 03. Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư****TÊN CỘNG ĐỒNG  
DÂN CƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****V/v hỗ trợ dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng  
thực hiện dự án/tiểu dự án.....<sup>1</sup> thuộc Chương trình MTQG .....<sup>2</sup>**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân (cấp huyện).....
- Ủy ban nhân dân (cấp xã).....

Tên cộng đồng dân cư:.....

Là tổ/nhóm do..... làm đại diện<sup>3</sup>

Người đại diện:.....

Chức vụ: .....

CMTND/CCCD..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Căn cứ quy định về hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, (tên cộng đồng dân cư) đề nghị ..... (tên cơ quan được giao phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng) thẩm định, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, với các nội dung như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Loại sản phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất: .....
2. Địa bàn thực hiện: .....
3. Quy mô : .....
4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

**II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC**

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

<sup>1</sup> Ghi rõ tên Tiểu dự án, dự án theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại các Quyết định phê duyệt Chương trình MTQG

<sup>2</sup> Ghi rõ tên Chương trình MTQG

<sup>3</sup> Ghi rõ thông tin cá nhân/tổ chức làm đại diện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết này

a) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

b) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

d) Các nội dung khác theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

2. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ.....

3. Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

III. CAM KẾT: ..... (tên cộng đồng dân cư) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án.

4. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Đảm bảo thực hiện thu hồi vốn quay vòng theo quy định (nếu có).

6. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm)

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;

- Lưu.

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

(Ký, ghi họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 04. Biên bản họp cộng đồng dân cư****TÊN CỘNG ĐỒNG  
DÂN CƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ***Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm .....,**Tại thôn ....., xã ....., huyện .....*

(Tên cộng đồng dân cư) đã tổ chức họp để bình xét, lựa chọn các hộ đủ điều kiện tham gia dự án, phương án, thống nhất cử đại diện cộng đồng dân cư, thống nhất nội dung thực hiện và các nội dung khác liên quan đến dự án, phương án.

**I. Chủ trì cuộc họp**

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ.....<sup>4</sup>
- Thư ký cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ.....

**II. Thành phần tham gia**

- Đại diện UBND cấp xã: .....Chức vụ.....
- Đại diện thôn/các thôn (nơi triển khai dự án, phương án).....<sup>5</sup>
- Số hộ trong cộng đồng dân cư: .....hộ.

**III. Nội dung cuộc họp**

1. Thông qua các quy định về đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật và các quy định khác trong thực hiện dự án, phương án sản xuất cộng đồng.

2. Bình xét, lựa chọn các hộ đủ điều kiện tham gia dự án, phương án

- Tổng số hộ đăng ký tham gia dự án, phương án:.....hộ

- Kết quả bình xét:

+ Tổng số hộ không đủ điều kiện tham gia dự án, phương án:.....hộ

+ Tổng số hộ đủ điều kiện tham gia dự án, phương án:...hộ, trong đó: Hộ nghèo:...hộ, hộ cận nghèo:...hộ, hộ mới thoát nghèo:...hộ, hộ có người khuyết tật (không có sinh kế ổn định):...hộ (Thống kê các đối tượng của dự án, phương án theo quy định của Thủ tướng Chính phủ)

3. Thống nhất cử đại diện cộng đồng dân cư

<sup>4</sup> Tổ chức làm đại diện cho cộng đồng dân cư, trường hợp nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi làm đại diện thì Chủ trì cuộc họp là đại diện UBND xã; trường hợp cộng đồng dân cư là Tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật thì Chủ trì cuộc họp là Tổ trưởng Tổ hợp tác

<sup>5</sup> Trường hợp dự án/phương án triển khai trên địa bàn từ 2 thôn trở lên thì tham gia cuộc họp phải có đầy đủ đại diện các thôn

Họ và tên:.....  
 CMTND/CCCD.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

4. Thống nhất nội dung thực hiện

- Nội dung 1:.....

- Nội dung 2:.....

5. Dự toán kinh phí

- Tổng kinh phí thực hiện.....đồng, trong đó:

+ Nội dung 1:.....đồng

+ Nội dung 2:.....đồng

- Tổng kinh phí đóng góp của các đối tượng tham gia.....đồng

- Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.....đồng

6. Thời gian triển khai: .....

7. Địa bàn thực hiện: .....

8. Cơ chế quay vòng (nếu có): .....

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án.....

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết: .....

11. Phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện dự án: .....

12. Các nội dung liên quan khác (nếu có).....

Cuộc họp đã kết thúc vào .... giờ .....cùng ngày.

Các thành viên tham dự đã biểu quyết và thống nhất nội dung biên bản./.

**Thư ký**  
 (Ký, ghi họ  
 tên)

**Đại diện cộng đồng  
 dân cư**  
 (Ký, ghi họ tên)

**Trưởng  
 thôn/các thôn**  
 (Ký, ghi họ tên)

**Đại diện  
 UBND cấp xã**  
 (Ký, ghi họ tên)

Mẫu số 05. Danh sách các hộ dân tham gia dự án, phương án

**TÊN CỘNG ĐỒNG  
DÂN CƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**DANH SÁCH HỘ DÂN THAM GIA DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN**

.....(Ghi rõ tên dự án, phương án)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Đối tượng <sup>6</sup>	Nội dung hỗ trợ <sup>7</sup>	Tổng kinh phí thực hiện (đồng)	Trong đó	
						Hỗ trợ từ NSNN (đồng)	Hộ dân đóng góp (đồng)
1							
2							
3							
...							
<b>Tổng:</b>							

**NGƯỜI TỔNG HỢP**  
(Ký, ghi họ tên)

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**  
(Ký, ghi họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

<sup>6</sup> Là đối tượng của dự án/phương án theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

<sup>7</sup> Chỉ ghi nội dung hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng,



**Mẫu số 06. Hợp đồng thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng giữa cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí và đại diện cộng đồng dân cư**

**HỢP ĐỒNG**

**Thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

Số:...../.....

*Căn cứ:*

- *Bộ Luật dân sự;*

- .....

*Hôm nay, ngày.....tháng.....năm .....*

*Tại .....*

*Hai bên gồm:*

**BÊN A: CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC BỐ TRÍ KINH PHÍ.....**

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Mã số thuế: .....

Tài khoản:.....

Do ông/bà:.....

Chức vụ: .....làm đại diện.

**BÊN B: CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ (ghi tên cộng đồng dân cư)**

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Mã số thuế: .....

Tài khoản:.....

Do ông/bà:.....

Chức vụ: .....làm đại diện.

*Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như*

*sau:*

**Điều 1. Nội dung hợp đồng**

Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án, phương án
2. Tên và thông tin cộng đồng dân cư
3. Thời gian triển khai
4. Địa bàn thực hiện
5. Đối tượng tham gia dự án
6. Các hoạt động của dự án

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án

8. Nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)

9. Hình thức, mức quay vòng (nếu có)

10. Dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án

11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

**Điều 2. Trách nhiệm bên A**

**Điều 3. Trách nhiệm bên B**

**Điều 4. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

**Điều 5. Điều khoản chung**

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành .. bản, mỗi bên giữ .. bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 07. Quyết định giao nhiệm vụ**

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ  
QUẢN TRỰC TIẾP (NẾU CÓ)  
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../QĐ-....

..., ngày... tháng... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc giao nhiệm vụ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất  
thuộc Tiểu dự án/Dự án - Chương trình MTQG...năm...

**THẨM QUYỀN BAN HÀNH<sup>8</sup>**

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Căn cứ Nghị định/Quyết định... quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị ...*

*Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia.....*

*Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách năm.....*

*Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án của.....*

*Căn cứ ...*

*Xét đề nghị của ...*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao nhiệm vụ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (ghi rõ tên dự án) thuộc Tiểu dự án/Dự án - Chương trình MTQG.....năm....., với các nội dung chính như sau:

1. Tên cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ: .....<sup>9</sup>
2. Loại dự án: .....
3. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến kết quả đầu ra và số hộ thoát nghèo): .....
4. Đối tượng tham gia: .....

<sup>8</sup> UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền

<sup>9</sup> Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc

5. Thời gian triển khai: ..... Thời gian hoàn thành .....
6. Địa bàn thực hiện: .....
7. Nội dung thực hiện: .....
8. Dự toán kinh phí thực hiện: .....
9. Nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có))
10. Chất lượng sản phẩm bàn giao.....
11. Phương thức thanh toán, quyết toán;
12. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm;
13. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị sự nghiệp công lập
14. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đặt hàng;
15. Ngoài ra, có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Căn cứ Quyết định giao nhiệm vụ, Thủ trưởng (đơn vị công lập trực thuộc) tổ chức thực hiện theo đúng nội dung giao nhiệm vụ tại Điều 1 Quyết định này, quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Thủ trưởng (đơn vị đơn vị công lập trực thuộc) chịu trách nhiệm thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- .....;
- Lưu: VT,...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA  
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)